

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 7 năm 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên; Bà Trần Thị Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thề - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Cao T, sinh năm: 1976. Trú tại: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1988. Trú tại: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, kết quả xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, nội dung vụ án cụ thể như sau:

** Lời khai của nguyên đơn là anh Vũ Cao T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:*

Anh Vũ Cao T và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Thời gian đầu, anh T và chị L chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2013, giữa hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có niềm tin ở nhau nên giữa hai vợ chồng thường xảy ra cãi vã, mắng chửi lẫn nhau. Khoảng đầu năm 2014, anh T và chị L bắt đầu sống ly thân, chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại thôn Tây Sơn, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Từ đó, anh T và chị L không quan tâm đến nhau nữa, chị

L chỉ thỉnh thoảng gọi điện về hỏi thăm các con, ngoài ra không nói chuyện gì với anh T, anh T cũng không quan tâm hỏi han gì nên thời gian sau đó chị L đi đâu, làm gì thì anh T không biết. Hiện nay, do không còn tình cảm với chị L nên anh T viết đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung là cháu Vũ Hải S, sinh ngày 19/8/2006 và cháu Vũ Trọng T1 sinh ngày 28/10/2010. Từ khi anh T và chị L sống ly thân, hai cháu S và T1 ở với bố, thỉnh thoảng có ra chơi với bà ngoại hoặc khi anh T bận thì hai cháu ra và ở với bà ngoại một vài ngày, sau đó lại về ở với bố. Thời gian anh T và chị L sống ly thân, chị L không chăm sóc con cái, hai cháu ở cùng với bố có được bà ngoại quan tâm, giúp đỡ anh T chăm sóc các cháu. Chị L hiện nay đang ở đâu, làm gì cũng không cho ai biết. Anh T hiện tại có công việc sửa chữa đồ điện tại nhà, có thu nhập ổn định, trung bình mỗi tháng khoảng trên 10 triệu đồng, có nơi ở ổn định, các con cũng đã ở với anh, được anh chăm sóc từ nhỏ, các anh, chị của anh T cũng luôn giúp đỡ anh T trông nom, chăm sóc, giáo dục các cháu. Sau khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi hai con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Tham dự phiên tòa, có chị Vũ Thị H, sinh năm 1974, trú tại: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, là chị gái của anh T cam đoan sẽ giúp đỡ anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Sơn và cháu Thủy.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn là chị Nguyễn Thị L đã đến Tòa án nộp bản tự khai và trình bày tại Tòa án với nội dung như sau:*

Về quan hệ hôn nhân, bị đơn nhất trí với lời khai của nguyên đơn, bị đơn cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, chị L cũng có nguyện vọng được nuôi hai con chung là cháu S và cháu T1, chị L Không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Chị L khai có công việc và nơi ở ổn định tại địa chỉ: Kì ốt số 4, ngõ 4, phường Văn La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, thu nhập thường xuyên khoảng 6 đến 7 triệu đồng/tháng. Nếu được nuôi con, chị L sẽ nhờ mẹ đẻ của chị giúp đỡ, cho mẹ con chị L ở nhờ và giúp chị L chăm sóc các cháu. Tuy nhiên, hiện nay chị L không ở cùng với mẹ đẻ, không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào về nơi ở, công việc và thu nhập để chứng minh cho lời khai của mình.

Về tài sản chung, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt, không có lý do.

Quá trình lấy lời khai, cháu T1 và cháu S đều có nguyện vọng được ở với bố. Tuy nhiên, tại phiên tòa, cháu S lại có nguyện vọng được ở với mẹ còn cháu T1 muốn được ở cùng bố.

Tham dự phiên tòa, bà Tạ Thị L2, sinh năm 1957, trú tại: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, là mẹ đẻ của chị L trình bày: Hiện nay, bà không biết được địa chỉ nơi ở của chị L, không biết chị L đang ở đâu, làm gì, thu nhập hàng tháng là bao nhiêu. Bà

mong Tòa án giải quyết ly hôn cho chị L và anh T. Nếu chị L được nuôi con, bà Liên cam đoan sẽ tạo điều kiện và hỗ trợ chị L chăm sóc hai cháu S, T1.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về xem xét đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án, về xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, việc ra các văn bản tố tụng cũng như tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện hiện đúng trình tự, thủ tục tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn đã cố tình giấu địa chỉ. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bị đơn mới đến Tòa án nộp bản tự khai và trình bày lời khai tại Tòa án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, xem xét, quyết định cho anh Vũ Cao T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L. Giao cháu Vũ Hải S và cháu Vũ Trọng T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu S và cháu T1 đủ 18 tuổi. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ghi nhận việc anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 25/3/2019, anh Vũ Cao T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Anh Vũ Cao T và chị Nguyễn Thị L đều cư trú tại thôn Tây Nguyên, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình chuẩn bị xét xử, mặc dù nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ địa chỉ của bị đơn nhưng bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, cố tình giấu địa chỉ, không cho ai biết nơi cư trú của mình. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177, 179, 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn đã đến Tòa án nộp bản tự khai, trình bày lời khai tại Tòa án và không có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Cao T và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Khoảng đầu năm 2014, anh T và chị L đã sống ly thân, đến nay anh T không còn tình cảm với chị L, chị L đồng ý ly hôn với anh T nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung là cháu Vũ Hải S, sinh ngày 19/8/2006 và cháu Vũ Trọng T2 sinh ngày 28/10/2010. Từ khi anh T và chị L ly thân, hai cháu S và Thủy ở với bố. Thời gian chị L và anh T sống ly thân, hai cháu ở cùng với bố, thỉnh thoảng có được bà ngoại quan tâm, giúp đỡ chăm nom các cháu, chị L chỉ gọi điện về hỏi thăm con, không chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Anh T hiện tại có công việc sửa chữa đồ điện tại nhà, có thu nhập ổn định, có nơi ở ổn định. Cháu S, cháu T1 đã ở với anh T, được anh chăm sóc từ nhỏ, đang đi học tại trường học gần nơi anh T đang ở. Chị L tuy cũng có nguyện vọng được nuôi con và khai có đủ điều kiện để nuôi con nhưng chị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc làm, thu nhập, nơi ở ổn định để chứng minh cho lời khai của mình. Qua xem xét các điều kiện về nơi ở, công việc, thu nhập, khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc, nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn, để đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt cho các cháu S, T1, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện này của đương sự.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan điểm của bị đơn: Chị L nhất trí ly hôn với anh T và không có yêu cầu phản tố. Về con chung, chị L tuy cũng có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu S và cháu T1 nhưng chị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc làm, thu nhập, nơi ở ổn định, không chứng minh được chị có đủ các điều kiện về mọi mặt để nuôi dưỡng, chăm sóc các con nên Hội đồng xét xử xét thấy không có sở để chấp nhận yêu cầu của chị L là được nuôi con chung sau khi ly hôn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Cao T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Cao T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao cháu Vũ Hải S, sinh ngày 19/8/2006 và cháu Vũ Trọng T1, sinh ngày 28/10/2010 cho anh Vũ Cao T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Vũ Cao T về việc không yêu cầu chị Nguyễn Thị L cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Cao T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2010/0002160, ngày 25/3/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, anh Vũ Cao T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- Đường sự;
- UBND xã M;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh